

ST T	NỘI DUNG	Tổng số giao	Tổng số đã phân bố	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG												GHI CHÚ	
				KHỐI TRƯỞNG THPT	THPT NA SANG	THPT TUẦN GIÁO	THPT DIỆN BIÊN PHỦ	THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÓN	THPT NÀ TÁU	THPT MUỖNG LUÂN	THPT MUỖNG MÙN	THCS & THPT SÍN CHÁI	THPT NÀ HỖ	THCS&THPT QUYẾT TIẾN	KHỐI TRƯỞNG DTNT XÃ		DTNT NA SANG
				Loại 070-khoản 074	Loại 070- khoản 074	Loại 070- khoản 074	Loại 070- khoản 074	Loại 070- khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070- khoản 074	Loại 070- khoản 074	Loại 070- khoản 074	Loại 070- khoản 074	Loại 070- khoản 074	Loại 070- khoản 074		Loại 070- khoản 074
A	B		1	2	4	5	7	9	14	15	18	21	23	26	28	33	50
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ</b>		-												-		
<b>1</b>	<b>Số thu nguồn vốn viện trợ</b>		-	-											-		
1.1	Số thu viện trợ																
1.2	Phí		-	-											-		
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn vốn viện trợ</b>		-	-											-		
<b>2.1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo</b>		-														
a	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ				-												
b	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		-														
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>																
3.1	Lệ phí																
3.2	Phí																
<b>II</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>	<b>1.163.000</b>	<b>1.163.000</b>	<b>1.063.903</b>	<b>133.772</b>	<b>99.364</b>	<b>66.250</b>	<b>39.652</b>	<b>44.606</b>	<b>154.601</b>	<b>92.770</b>	<b>185.517</b>	<b>92.770</b>	<b>154.601</b>	<b>99.097</b>	<b>99.097</b>	
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp Giáo dục</b>	<b>1.163.000</b>	<b>1.163.000</b>	<b>1.063.903</b>	<b>133.772</b>	<b>99.364</b>	<b>66.250</b>	<b>39.652</b>	<b>44.606</b>	<b>154.601</b>	<b>92.770</b>	<b>185.517</b>	<b>92.770</b>	<b>154.601</b>	<b>99.097</b>	<b>99.097</b>	
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ		-	-		-											
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	1.163.000	1.163.000	1.063.903	133.772	99.364	66.250	39.652	44.606	154.601	92.770	185.517	92.770	154.601	99.097	99.097	
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động để thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục năm học 2025-2026 theo ND số 111/2022/NĐ-CP	1.163.000	1.163.000	1.063.903	133.772	99.364	66.250	39.652	44.606	154.601	92.770	185.517	92.770	154.601	99.097	99.097	